**Revision history**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Date** | **Version** | **Author** | **Description** |
| 1 | 20/9/2024 | 1.0 | Tân | Viết BRD cho use case UCE04 |
| 2 | 22/9/2024 | 1.0 | Tân | Viết BRD cho use case UCE05 |

**Document Approvals**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Role** | **Name** | **Title** | **Signature** | **Date** |
| Client | Lê Ngọc Thạch | Người phê duyệt |  |  |
| Project Manager |  | Người kiểm soát |  |  |
| Business Analyst | Hồ Nhựt Tân | Người soạn thảo |  |  |

1. **Introduction** *(update later)*
2. **Business Requirements**
   1. **Use Case Specification**
      1. **Use Case list**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ID | Title | Note |
| Recruiter Page | | |
| UCR01 | Đăng ký |  |
| UCR02 | Đăng nhập |  |
| UCR03 | Quản lý tài khoản |  |
| UCR04 | Tạo và đăng tuyển công việc |  |
| UCR05 | Xem và tìm kiếm CV |  |
| UCR06 | Thêm vào giỏ hàng |  |
|  |  |  |
| Employee Page | | |
| UCE01 | Đăng ký |  |
| UCE02 | Đăng nhập |  |
| UCE03 | Quản lý tài khoản |  |
| UCE04 | Tạo và chia sẻ CV |  |
| UCE05 | Xem và tìm kiếm công việc |  |
|  |  |  |
| Admin Page | | |
| UCA01 |  |  |
| UCA02 |  |  |
| UCA03 |  |  |
| UCA04 |  |  |
| UCA05 |  |  |
| UCA06 |  |  |
|  |  |  |

* + 1. **Use Case Detail**
       1. **Tạo CV và chia sẻ CV**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use case tiltle:** Tạo và chia sẻ CV | | | **Use case ID:** UC04 |
| **Version:** 1.0 |
| **Last Changed:** 20/9/2024 |
| **General use case description:** Là quá trình người dùng tạo ra một CV và chia sẻ nó lên hệ thống | | | |
| **Entities involved:**  **E01 – Employee** | | | |
| **Preconditions:**   1. Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống thành công. | | | |
| **Primary use case flow of events:** | | | |
| **1.** | **E01** chọn **Quản lý CV** | | |
| **2.** | Hệ thống hiển thị các CV mà người dùng đã tạo, phía trên bên trái màn hình có một button **New CV** | | |
| **3.** | **E01** chọn **New CV** | | |
| **4.** | Hệ thống hiển thị một màn hình các thông tin cần điền trong một CV, các thông tin cá nhân cố định sẽ được hệ thống tự động điền vào dựa trên thông tin tài khoản của người dùng | | |
| **5.** | **E01** chọn các **Combobox Lĩnh vực,**  **Vị trí, Mức lương mong muốn, Năm kinh nghiệm, Địa điểm làm việc, Hình thức làm việc** để điền thông tin | | |
|  | 1. | Hệ thống hiển thị list các đề xuất thứ tự chữ cái | |
| 2. | E01 xem và chọn 1 trong các đề xuất đó hoặc tự điền | |
| **6.** | **E01** chọn mục **Học vấn** | | |
|  | 1. | **E01** chọn vào button hình dấu cộng | |
|  | 2. | Hệ thống hiển thị một ô theo template của mục **Học vấn** | |
|  | 3. | **E01** điền trường đại học, và các mô tả về học vấn liên quan đến trường đó. Sau đó nhấn **Lưu** | |
|  | 4. | Hệ thống lưu lại dữ liệu người dùng vừa nhập và hiển thị lên mục **Học vấn** | |
| **7.** | **E01** chọn mục **Kinh nghiệm** | | |
|  | 1. | **E01** chọn vào button hình dấu cộng | |
|  | 2. | Hệ thống hiển thị một ô theo template của mục **Kinh nghiệm** | |
|  | 3. | **E01** điền khoảng thời gian làm việc theo năm, tên công ty và vị trí công việc. Sau đó nhấn **Lưu** | |
|  | 4. | Hệ thống lưu lại dữ liệu người dùng vừa nhập và hiển thị lên mục **Kinh nghiệm** | |
| **8.** | **E01** chọn mục **Kĩ năng** | | |
|  | 1. | **E01** chọn vào button hình dấu cộng | |
|  | 2. | Hệ thống hiển thị một ô theo template của mục **Kĩ năng** | |
|  | 3. | **E01** điền kĩ năng và phần trăm thành thạo. Sau đó nhấn **Lưu** | |
|  | 4. | Hệ thống lưu lại dữ liệu người dùng vừa nhập và hiển thị lên mục **Kĩ năng** | |
| **9.** | **E01** chọn mục **Chứng chỉ** | | |
|  | 1. | **E01** chọn vào button hình dấu cộng | |
|  | 2. | Hệ thống hiển thị một ô theo template của mục **Chứng chỉ** | |
|  | 3. | **E01** điền chứng chỉ. Sau đó nhấn **Lưu** | |
|  | 4. | Hệ thống lưu lại dữ liệu người dùng vừa nhập và hiển thị lên mục **Chứng chỉ** | |
| **10.** | **E01** chọn mục **Ngoại ngữ** | | |
|  | 1. | **E01** chọn vào button hình dấu cộng | |
|  | 2. | Hệ thống hiển thị một ô theo template của mục **Ngoại ngữ** | |
|  | 3. | **E01** điền ngoại ngữ và mức độ thành thạo. Sau đó nhấn **Lưu** | |
|  | 4. | Hệ thống lưu lại dữ liệu người dùng vừa nhập và hiển thị lên mục **Ngoại ngữ** | |
| **11.** | **E01** chọn mục **Mục tiêu nghề nghiệp** | | |
|  | 1. | **E01** viết về mục tiêu nghề nghiệp vào ô dữ liệu | |
|  | 2. | Hệ thống lưu lại dữ liệu người dùng vừa nhập và hiển thị lên mục **Mục tiêu nghề nghiệp** | |
| **12.** | **E01** chọn **Button Chọn mẫu** | | |
|  | 1. | Hệ thống hiển thị các mẫu template có sẵn | |
|  | 2. | **E01** chọn một trong các template đó, rồi nhấn **Button Chọn** | |
|  | 3. | Hệ thống lưu lựa chọn và thiết lập template đó với các thông tin của CV | |
| **13.** | **E01** chọn **Button Hoàn Thành** | | |
| **14.** | Hệ thống cho người dùng xem trước bản CV. | | |
| **11.** | **Nếu E01** chọn **Button Chia sẻ** | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ đăng CV lên hệ thống | |
|  | 2. | **E01** thực hiện hành động xem CV như bình thường | |
| **11.** | **Nếu E01** chọn **Button Chỉnh sửa** | | |
|  | 1. | Hệ thống sẽ quay lại trang tạo CV | |
|  | 2. | **E01** tiếp tục chỉnh sửa CV | |
| **Primary use case postconditions:**  1. CV được tạo thành công, nhanh chóng, đúng template và thông tin  2. Người dùnh nhìn thấy được CV ở trang Quản lý CV  3. CV được đăng lên hệ thống. | | | |

* + - 1. **Xem và tìm kiếm công việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use case tiltle:** Xem và tìm kiếm công việc | | | **Use case ID:** UC05 |
| **Version:** 1.0 |
| **Last Changed:** 22/9/2024 |
| **General use case description:** Là quá trình người dùng xem và tìm kiếm công việc đã được đăng bởi các nhà tuyển dụng lên hệ thống. | | | |
| **Entities involved:**  **E01 – Employee** | | | |
| **Preconditions:**   1. **E01** đã đăng nhập vào hệ thống thành công. 2. **E01** được cấp quyền xem và tìm kiếm công việc | | | |
| **Primary use case flow of events:** | | | |
| **1.** | **E01** chọn **Trang chủ** | | |
| **2.** | Hệ thống hiển thị các công việc có sẵn trên hệ thống, được hiển thị theo ưu tiên về thời gian và tương thích với CV người dùng | | |
| **3.** | **Nếu E01** có thể áp dụng bộ lọc cùng với thanh tìm kiếm để xác định được công việc mong muốn | | |
|  | 1. | Hệ thống hiển thị các công việc phù hợp theo bộ lọc và từ khóa | |
| 2. | E01 xem và chọn 1 trong các đề xuất đó | |
| **4.** | **E01** chọn một trong các công việc | | |
| **5.** | Hệ thống hiển thị một màn hình chi tiết về công việc đó | | |
| **Primary use case postconditions:**  1. Kết quả của phiên tìm kiếm và bộ lọc được giữ nguyên cho tới khi kết thúc phiên làm việc hoặc **E01** tự thay đổi | | | |
| **Alternative flow of events**  1. Không có công việc nào khớp với kết quả tìm kiếm từ thanh tìm kiếm hoặc bộ lọc.  2. Lỗi kết nối mạng trong quá trình tìm kiếm. | | | |

1. **Appendices**

(update later)